

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
KHOA SƯ PHẠM CÔNG NGHIỆP



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH
SƯ PHẠM KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC
MÃ SỐ: 7140214**

Đà Nẵng, 10/2020

I. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Thông tin chung

1. Tên chương trình: Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp
2. Chuyên ngành:
3. Bằng: Đại học
4. Loại bằng: Cử nhân
5. Loại hình đào tạo: Chính quy
6. Thời gian: 4 năm
7. Số tín chỉ: 148 (132 tín chỉ theo chuyên ngành +16 tín chỉ sư phạm)
8. Khoa quản lý: Khoa Sư phạm Công nghiệp
9. Ngôn ngữ: Tiếng Việt
10. Ban hành: Theo Quyết định số...../QĐ-DHSPKT, ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Cung cấp giáo viên giảng dạy trong hệ thống Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông. Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, có kiến thức kỹ năng cơ bản về nghiệp vụ sư phạm giảng dạy trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng được nhiệm vụ giảng dạy và hoạt động nghề nghiệp theo chuyên ngành được đào tạo, có năng lực nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ; có khả năng học tập suốt đời, khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc và có trách nhiệm nghề nghiệp; có sức khỏe, có ý thức phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu	Cử nhân
O1	Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. Có kiến thức kỹ năng cơ bản về nghiệp vụ giảng dạy và hoạt động nghề nghiệp theo chuyên ngành được đào tạo.
O2	Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện về chuyên môn của chuyên ngành đào tạo.
O3	Có kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp.
O4	Có khả năng làm việc độc lập hoặc nhóm, tinh thần chịu trách nhiệm; có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

1.3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra	Cử nhân
PLO1	Có khả năng áp dụng kiến thức về các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, môi trường của Việt Nam và thế giới.
PLO2	Có thể áp kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học tự nhiên phù hợp chuyên ngành đào tạo để tiếp thu và vận dụng vào chuyên ngành được đào tạo.
PLO3	Có khả năng vận dụng kiến thức thực tế, ứng dụng kết quả nghiên cứu/các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các lớp học, khóa học và chương trình đào tạo.
PLO4	Có khả năng thiết kế các hệ thống, sản phẩm và quy trình để đáp ứng nhu cầu xã hội phù hợp với nền giáo dục mới.
PLO5	Có khả năng vận hành, bảo dưỡng các hệ thống, máy móc thiết bị trong phục vụ giảng dạy. Sử dụng công nghệ dạy học và các phương pháp giảng dạy tiên tiến theo mục tiêu và triết lý giáo dục hiện đại.
PLO6	Có khả năng tiếp thu và áp dụng kiến thức mới khi cần thiết, sử dụng các chiến lược học tập phù hợp, có khả năng học tập suốt đời.
PLO7	Có khả năng giao tiếp bằng văn bản, lời nói và đồ họa.
PLO8	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp, sinh viên tốt nghiệp có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
PLO9	Có khả năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành phục vụ cho công tác chuyên môn, sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo qui định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.
PLO10	Có khả năng làm việc độc lập hoặc nhóm hiệu quả.
PLO11	Có khả năng lập kế hoạch, tổ chức triển khai, giám sát các hoạt động của lớp học, khóa học, khóa bồi dưỡng thuộc lĩnh vực đào tạo phù hợp với bối cảnh của trường học, doanh nghiệp, xã hội, môi trường.

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT bậc Cử nhân:

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra CTĐT										
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO 10	PLO 11
O1	X	X				X					
O2		X	X	X	X	X					
O3				X	X	X	X	X	X		
O4	X						X			X	X

1.4. Cơ hội nghề nghiệp

- Cán bộ hướng dẫn kỹ thuật ở phòng thí nghiệm, đo lường, vận hành thiết bị kỹ thuật.

- Cán bộ hướng dẫn kỹ thuật tổ chức, vận hành các máy móc và thiết bị phục vụ sản xuất các sản phẩm công nghiệp và tiêu dùng.

- Giảng dạy lý thuyết cũng như thực hành tại các trường Phổ thông trung học, Phổ thông cơ sở, các trường Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, các trường Cao đẳng, trường Đại học.

1.5. Tuyển sinh - điều kiện nhập học

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức được công bố trong đề án tuyển sinh hằng năm. Điểm xét tuyển là điểm của tổ hợp môn được công bố trong thông báo tuyển sinh. Thí sinh phải đạt tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hội đồng tuyển sinh Đại học quy định, đồng thời đạt điểm chuẩn xét tuyển vào ngành do Hội đồng tuyển sinh công bố ở mỗi đợt xét tuyển.

1.6. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo được triển khai theo học chế tín chỉ. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Đà Nẵng và của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật. Mỗi năm học có 2 học kỳ chính và một học kỳ hè. Số giờ lên lớp trung bình 20 tiết/tuần. Cách thức kiểm tra đánh giá được qui định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

1.7. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp phải thỏa mãn các tiêu chí công nhận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo tín chỉ của Giáo dục và Đào tạo, có các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, đồng thời phải đáp ứng các yêu cầu về chuẩn đầu ra của nhà trường về Ngoại ngữ, Tin học.

1.8. Khả năng phát triển nghề nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp có cơ hội học lên bậc sau đại học: Thạc sĩ - Tiến sĩ;
Sinh viên có khả năng học thêm ngành thứ 2;

Có khả năng tự học để thích ứng với môi trường làm việc và khả năng học tập suốt đời.

1.9. Chiến lược giảng dạy - học tập

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu

quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture) và phương pháp tham luận (Guest Lecture)

+ Giải thích cụ thể (Explicit Teaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

+ Thuyết giảng (Lecture): Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

+ Tham luận (Guest lecture): Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giảng viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

1.9.2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

+ Câu hỏi gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

+ Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

+ Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy

phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

1.9.3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm mô hình (Models), thực tập, thực tế (Field Trip), thí nghiệm (Experiment), dự án (Project) và nhóm nghiên cứu học tập (Study Research Team).

+ Mô hình (Models): là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giảng viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

+ Thực tập, thực tế (Field Trip): Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

+ Thí nghiệm (Experiment): Là phương pháp dạy học trong đó giảng viên sử dụng các thao tác thí nghiệm, sinh viên quan sát và thực hành các thí nghiệm đó theo hướng dẫn của giảng viên. Từ đó hướng đến mục tiêu dạy học.

+ Dự án (Project): Là phương pháp học trong đó giảng viên tổ chức cho sinh viên học thông qua các dự án hay công trình thực tế. Dự án ở đây được hiểu là những nhiệm vụ phức tạp từ các vấn đề mang tính chất kích thích người học tìm hiểu, khám phá. Từ đây người học sẽ tham gia vào thiết kế, đưa ra quyết định hay khảo sát các hoạt động có liên quan đến dự án. Với phương pháp học này, người học sẽ phải làm việc theo nhóm và khám phá những vấn đề gắn liền với cuộc sống, sau đó sẽ thuyết trình trước lớp và chia sẻ những gì họ đã làm được trong dự án của mình. Phương pháp học dựa trên dự án chú trọng tới những hoạt động học có tính chất lâu dài và liên môn, liên ngành và thường gắn với những vấn đề nảy sinh từ đời sống hiện tại. Bên cạnh đó, phương pháp học dựa trên dự án còn tạo ra những cơ hội nhằm giúp người học theo đuổi được những sở thích của mình, và tự mình đưa ra quyết định về câu trả lời hay tìm ra giải pháp cho các vấn đề trình bày trong dự án.

+ Nhóm nghiên cứu học tập (Study Research Team): Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên

tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

1.9.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giảng viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp được áp dụng theo chiến lược này gồm có phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Peer Learning).

+ Tranh luận (Debates): là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

+ Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

+ Học nhóm (Peer Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên

1.9.5. Tự học

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment). Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

1.9.6. *Đạy học trực tuyến*

Học tập trực tuyến (e-learning) là phương thức học tập trong đó sinh viên dùng các thiết bị kết nối Internet để có thể kết nối với giảng viên thông qua các công cụ dạy học thời gian thực, truy cập nguồn tài nguyên học tập được lưu trữ trên các nền tảng số. Giảng viên tương tác từ xa và có thể gửi học liệu số (hay học liệu điện tử) là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: giáo trình điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài kiểm tra đánh giá điện tử, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu được số hóa khác cho người học thông qua các hệ thống quản lý học tập LMS (Learning Management System).

E-learning với những ưu điểm trong dạy học làm thay đổi mạnh mẽ kỹ năng tự học của người học do khả năng cá nhân hóa cũng như đáp ứng hiệu quả các hoạt động học tập của người học. Cùng với sự phát triển của công nghệ, việc xây dựng môi trường học tập trực tuyến hiện đại, xây dựng các nội dung giảng dạy trực tuyến được phát triển theo hướng ngày càng tiếp cận gần hơn với người học.

1.10. Phương pháp đánh giá

Các phương pháp đánh giá được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

1.10.1. *Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)*

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assignment), và đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

+ Đánh giá chuyên cần (Attendance Check): Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.

+ Đánh giá bài tập (Work Assignment): Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.

+ Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion): Trong một số môn học thuộc chương trình đào tạo, sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến

thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

1.10.2. Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong loại đánh giá này gồm có: Kiểm tra viết (Written Exam), Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Written Report), Thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assesment) và Đánh giá đồng cấp (Peer Assessment)

+ Kiểm tra viết (Written Exam): Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

+ Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam): Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

+ Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam): Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.

+ Báo cáo (Written Report): Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

+ Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion): Phương pháp đánh giá này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

+ Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment): Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.



II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Khung chương trình dạy học - Các học phần khối nghiệp vụ sư phạm

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số tín chỉ	Học kỳ
			LT-BT	TH-TN	Th. tập		
1	5514003	Tâm lý học đại cương	2	0	0	2	HK 4
2	5514004	Giáo dục học	2	0	0	2	HK 5
3	5514005	Lý luận dạy học	2	0	0	2	HK 5
4	5514006	Phát triển chương trình đào tạo	1	1	0	2	HK 6
5	5514007	Đảm bảo chất lượng giáo dục	1	0	0	1	HK 6
6	5514008	Giáo dục thế giới và Việt Nam	1	0	0	1	HK 6
7	5514009	Tâm lý học dạy nghề	1	0	0	1	HK 7
8	5514010	Phương pháp giảng dạy môn kỹ thuật	2	0	0	2	HK 7
9	5514011	Thực tập Sư phạm	0	0	3	3	HK 8
Tổng số tín chỉ tích lũy						16	

2.2. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Tên học phần	Mã học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT				
			P2	P3	P4	P5	P6
1	Tâm lý học đại cương	5514003			X		X
2	Giáo dục học	5514004			X		X
3	Lý luận dạy học	5514005					X
4	Phát triển chương trình đào tạo	5514006					X
5	Đảm bảo chất lượng giáo dục	5514007					X
6	Giáo dục thế giới và Việt Nam	5514008					X
7	Tâm lý học dạy nghề	5514009					X
8	Phương pháp giảng dạy môn kỹ thuật	5514010			X	X	X
9	Thực tập Sư phạm	5514011			X		X

Chương trình đào tạo Cử nhân

Theo các chuyên ngành

2.3. Cây chương trình

Theo các chuyên ngành

2.4. Kế hoạch đào tạo - Các học phần khối nghiệp vụ sư phạm

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần
4	5514003	Tâm lý học đại cương	2	Nghiệp vụ sư phạm
5	5514004	Giáo dục học	2	Nghiệp vụ sư phạm
	5514005	Lý luận dạy học	2	Nghiệp vụ sư phạm
6	5514006	Phát triển chương trình đào tạo	2	Nghiệp vụ sư phạm
	5514007	Đảm bảo chất lượng giáo dục	1	Nghiệp vụ sư phạm
	5514008	Giáo dục thế giới và Việt Nam	1	Nghiệp vụ sư phạm
7	5514009	Tâm lý học dạy nghề	1	Nghiệp vụ sư phạm
	5514010	Phương pháp giảng dạy môn kỹ thuật	2	Nghiệp vụ sư phạm
8	5514011	Thực tập Sư phạm	3	Nghiệp vụ sư phạm

2.5. Mô tả tóm tắt các học phần

Tâm lý học đại cương

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản nhất của Tâm lý học như: Bản chất hiện tượng tâm lý người; Cơ sở sinh lý của tâm lý người; Hoạt động; Ý thức; Nhân cách; Các quá trình tâm lý; Các trạng thái tâm lý; Các thuộc tính tâm lý.

Giáo dục học

Học phần này đề cập đến một số vấn đề cơ bản của giáo dục học nghề nghiệp; một số vấn đề lí luận cơ bản về quá trình giáo dục; những nhiệm vụ và nội dung giáo dục trong nhà trường chuyên nghiệp; Lí luận về xây dựng và phát triển tập thể học sinh; Người giáo viên dạy nghề.

Lý luận dạy học

Học phần này đề cập đến một số vấn đề cơ bản về lí luận dạy học như: cấu trúc, bản chất, nhiệm vụ dạy học; Động lực và lôgic của quá trình dạy học; Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức quá trình dạy học; Những vấn đề về kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học.

Phát triển chương trình đào tạo

Trang bị cho người học những kiến thức và kĩ năng tối thiểu về chương trình, phát triển chương trình và tổ chức quá trình đào tạo trong cơ sở giáo dục - chú trọng chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp. Giúp người học biết cách thiết kế chương trình, đề cương chi tiết học phần, đánh giá chương trình và quá trình đào tạo trong cơ sở giáo dục.

Đảm bảo chất lượng giáo dục

Trang bị cho người học những lí luận về phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên và những hiểu biết cơ bản về hệ thống đảm bảo chất lượng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong cơ sở giáo dục.

Giáo dục thế giới và Việt Nam

Giúp người học có tầm nhìn bao quát về sự phát triển của giáo dục trên thế giới và những vấn đề cơ bản của giáo dục Việt Nam liên quan đến giáo dục nghề nghiệp.

Tâm lý học dạy nghề

Phân tích được các thuộc tính tâm lý, các đặc điểm tâm lý của HSSV học nghề. Hiểu và phân tích được: các yếu tố tâm lý của hoạt động dạy và học nghề nghiệp, các yếu tố tâm lý và con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp; phân tích được đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên dạy nghề và yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người giáo viên dạy nghề, vận dụng được những hiểu biết tâm lý vào việc hình thành năng lực sư phạm của bản thân, vào hoạt động giảng dạy, giáo dục ở cơ sở dạy nghề.

Phương pháp giảng dạy môn kỹ thuật

Nắm vững cơ sở phương pháp dạy học các môn kỹ thuật, nhiệm vụ dạy học kỹ thuật. Xác định được mục tiêu dạy học kỹ thuật bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, ... Vận dụng được phương pháp dạy học kỹ thuật dạy chuyên biệt và các kiểu bài dạy kỹ thuật. Hiểu được các hình thức ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học kỹ thuật. Vận dụng được Microsoft Powerpoint và Visual Basic trong Microsoft Powerpoint cần thiết cho biên soạn bài giảng điện tử.

Thực tập sư phạm

Thực tập Sư phạm nhằm giúp cho sinh viên tiếp cận với phương pháp giảng dạy các môn Kỹ thuật trong các trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, Phổ thông trung học, Phổ thông cơ sở...; giúp sinh viên thực hành kỹ năng chuẩn bị bài giảng, phương pháp và kỹ năng giảng dạy các môn Kỹ thuật (cả giảng dạy lý thuyết và thực hành). Nội dung: Dự giờ giảng - Soạn bài giảng - Thực hành giảng thử theo nhóm tại Bộ môn hay trên lớp.

III. ĐỘI NGŨ CBGD VÀ NGUỒN LỰC CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Danh sách đội ngũ giảng viên

3.1.1. Danh sách các giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy

1	TS. Nguyễn Đức Sỹ	Giảng viên chính
2	TS. Trần Lê Nhật Hoàng	Giảng viên
3	ThS. Nguyễn Lê Văn	Giảng viên
4	TS. Trần Đức Long	Giảng viên
5	ThS. Lê Thị Thùy Linh	Giảng viên
6	ThS. Hồ Công Lam	Giảng viên
7	ThS. Trần Thị Lợi	Giảng viên
8	ThS. Lưu Duy Vũ	Giảng viên
9	ThS. Trương Loan	Giáo viên

3.1.2. Danh sách các giảng viên tham gia giảng dạy

1	TS. Nguyễn Thị Hải Vân	Giảng viên chính
2	TS. Nguyễn Xuân Hùng	Giảng viên chính
3	TS. Hồ Thị Thúy Hằng	Giảng viên chính
4	TS. Lê Mỹ Dung	Giảng viên chính
5	Các giảng viên chuyên môn khác của toàn trường	

3.2. Các thiết bị thí nghiệm thực hành - phòng thí nghiệm - lab, phòng máy tính

3.2.1. Phòng thí nghiệm: sử dụng chung

3.2.2. Xưởng thực hành: sử dụng chung

3.2.3. Phòng máy tính: sử dụng chung

3.2.4. Các phương tiện phục vụ đào tạo khác của chuyên ngành: sử dụng chung

IV. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Hướng dẫn thực hiện chung

Tất cả các hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá được thực hiện phù hợp với bản đặc tả chương trình đào tạo này. Với những học phần tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những học phần thích hợp.

Trưởng khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật hàng năm (thường là những thay đổi nhỏ như chính sách tuyển sinh, đề cương học phần, tài liệu giảng dạy và học tập) và rà soát 2 năm một lần (chủ yếu xem xét lại chuẩn đầu ra của chương trình, thêm hoặc bỏ bớt các học phần) để đáp ứng nhu cầu của các bên có liên quan. Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho Trường để xem xét và phê chuẩn theo quy định hiện hành.

Chương trình này là chương trình đào tạo theo tín chỉ, vì vậy:

- Giảng viên phải cung cấp chương trình chi tiết học phần kèm hình thức tổ chức dạy-học, cách thức đánh giá cho người học ngay buổi học đầu tiên. Cần lưu ý nội dung hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu đối với sinh viên để họ hoàn thành khối lượng kiến thức bài học theo yêu cầu tín chỉ (các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, yêu cầu của giảng viên đối với các vấn đề đó).

- Người học phải tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lựa chọn đúng học phần, biết tự tìm hiểu và xác định chương trình học tập, tự giác trong tự học, tự lên kế hoạch và lập thời gian biểu cho quá trình học tập.

4.2. Chương trình này được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực cho người học. Vì vậy, việc thực hiện chương trình phải đảm bảo các yêu cầu:

- Tập trung vào dạy cách học và rèn luyện năng lực tự học cho người học.
- Tinh giản lý thuyết, gắn lý thuyết với thực tiễn, tăng cường thực hành, thảo luận, học tập theo nhóm.
- Cần chú ý việc vận dụng các kiến thức vào giải quyết những vấn đề cụ thể, sát thực với cuộc sống.
- Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối học phần, đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học.
- Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá bằng hình thức vấn đáp hoặc thông qua các hoạt động thực hành, thuyết trình và các sản phẩm như báo cáo đánh giá, báo cáo tổng kết, tiểu luận, ...

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 10 năm 2020

TRƯỜNG KHOA



Nguyễn Đức Sỹ

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. PHAN CAO THỌ